

Số: 2823/GPMT-UBND

Long Thành, ngày 04 tháng 4 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;  
Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Lộc An Phát tại Văn bản số 07-MTLT ngày 06 tháng 11 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu dân cư Lộc An Phát” và Văn bản số 142/GPMT-LAP ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc giải trình và chỉnh sửa nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu dân cư Lộc An Phát” tại xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và các hồ sơ kèm theo;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 244/TTr-TNMT ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Báo cáo số 194/BC-TNMT ngày 22 tháng 3 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Lộc An Phát, địa chỉ tại số 37, đường 769, ấp Bình Lâm, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu dân cư Lộc An Phát” tại ấp Bung Cơ, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án: “Khu dân cư Lộc An Phát”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Bung Cơ, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603581374.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng Khu dân cư theo quy hoạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án là 30.623,6 m<sup>2</sup> (3,06 ha).
- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về Đầu tư công).
- Công suất: Đất nhà ở liên kế vườn 130 lô (16.918,00 m<sup>2</sup>); Trường mầm non (1.397,81 m<sup>2</sup>); Công trình văn hóa (411,72 m<sup>2</sup>); Trạm xử lý nước thải (120,5 m<sup>2</sup>); Hệ thống đường giao thông (9.502,68 m<sup>2</sup>); Cây xanh (1.636,08 m<sup>2</sup>).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Lộc An Phát được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Lộc An Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự

có khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, từ ngày 04 tháng 4 năm 2023 đến ngày 04 tháng 4 năm 2033.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên - Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận**

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Lộc An Phát;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Lộc An;
- Lưu: VT - NN (PTN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Thân**



## Phụ lục 1

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.3.2.3./GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của các căn hộ nhà liền kề, khu nhà văn hóa, trường mầm non.

Tổng lưu lượng nước thải tối đa: 103 m<sup>3</sup>/ngày.

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra mương thoát nước tại phía Tây Nam dự án, chảy ra suối Ông Lang, rồi chảy ra sông Bến Năng và nguồn tiếp nhận là sông Đồng Môn. (Chủ dự án phải điều chỉnh hướng thoát nước trên Quyết định số 4880/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu dân cư Lộc An Phát theo thực tế và phối hợp địa phương thực hiện cải tạo lại mương thoát nước từ ranh dự án đến suối Ông Lang và thực hiện thủ tục đấu nối trước khi dự án đi vào hoạt động).

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm đấu nối tại mương thoát nước từ ranh dự án đến suối Ông Lang thuộc ấp Bung Cơ, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1192392; Y = 414766 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

#### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 103 m<sup>3</sup>/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước theo đường ống thoát nước trong Khu dân cư có đường kính Ø 300 đấu nối vào mương thoát nước tại ấp Bung Cơ dẫn vào suối Ông Lang. Phương thức xả: Tự chảy.

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2.	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5.	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0		
6.	Amoni	mg/l	5		
7.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	30		
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		
11.	Tổng Coliforms	MNP/100 ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hố ga đầu nôi:

Nước thải từ các nhà vệ sinh của các hộ dân, nhà văn hóa và trường mầm non được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn riêng biệt, sau đó theo đường ống thoát nước thải bằng HDPE Ø300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu dân cư để xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) → Song chắn rác → Bể gom → Bể điều hòa → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 103 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

##### - Biện pháp phòng ngừa:

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

+ Hệ thống xử lý nước thải được tính toán, xây dựng với hệ số an toàn  $K = 1,2$  do đó đảm bảo đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải tại các khung giờ cao điểm.

+ Thường xuyên theo dõi vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của trạm xử lý.

+ Các thiết bị quan trọng của hệ thống như bơm nước thải, máy sục khí, máy khuấy đều bố trí thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế.

+ Cử cán bộ vận hành hệ thống xử lý, ghi chép nhật ký vận hành. Công nhân vận hành được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống cho công nhân vận hành trạm xử lý nước thải và về công tác bảo đảm an toàn và phòng ngừa ứng phó sự cố có thể xảy ra.

+ Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

##### - Biện pháp ứng phó:

+ Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố như vi sinh bị chết, sốc tải... nước thải sẽ được bơm trở lại hệ thống để tiếp tục xử lý. Nếu hệ thống không hỏng bể vi sinh thì vẫn để máy thổi khí chạy liên tục, nuôi duy trì vi sinh trong ngăn hiếu khí bằng dinh dưỡng mật rỉ đường.

+ Trong trường hợp hệ thống bị quá tải: khuyến khích người dân giảm các hoạt động phát sinh nước thải không thiết yếu, khi đó các bể thu gom, bể điều hòa và bể xử lý sẽ trở thành bể lưu chứa nước thải tạm thời. Hệ thống sẽ được vận hành theo chế độ cao tải (tăng tốc độ sục khí và cung cấp vi sinh cho bể điều hòa, lúc này bể điều hòa sẽ hoạt động như một bể hiếu khí). Sau khi sự cố được khắc phục sẽ tiến hành nuôi lại vi sinh với điều kiện dinh dưỡng tăng cường. Nếu không đủ điều kiện tự cấp vi sinh sẽ bổ sung vi sinh dạng bùn sống có cung cấp trên thị trường.

+ Trường hợp hệ thống gặp sự cố không thể khắc phục được cảng sẽ tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra, khóa chặn các van tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải. Sau khi khắc phục xong, mở các van tại các bể chứa thành phần để nước thải được tiếp tục xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Tháng 04/2024 khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 103 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu đơn: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý nước thải là 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm theo yêu cầu quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này; Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu dân cư để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.5. Thực hiện Kế hoạch vận hành thử nghiệm và các trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

3.7. Phối hợp chính quyền địa phương khơi thông, nạo vét, gia cố, cải tạo lại

mương thoát nước hiện hữu để đảm bảo việc thoát nước từ ranh dự án đến nguồn tiếp nhận. Liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục đấu nối nước mưa, nước thải ngoài ranh dự án trước khi đi vào hoạt động.



## Phụ lục 2

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2923/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Tt	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Định mức	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Hoạt động chiếu sáng trong khu dân cư.	0,2	kg/hộ/năm	26	16 01 06
		Trường mầm non, nhà văn hóa	10	% khu dân cư	2,6	
2	Bình xịt côn trùng	Vệ sinh, xử lý côn trùng trong nhà cửa của các hộ dân (vỏ bình sau khi sử dụng).	0,3	kg/hộ/năm	39	16 01 05
3	Pin thải từ các dụng cụ dùng pin	Từ việc sử dụng ác quy, đèn pin, pin đồng hồ, đồ chơi điện tử ...	0,5	kg/hộ/năm	45	16 01 12
		Trường mầm non, nhà văn hóa	10	% khu dân cư	4,5	
4	Thiết bị điện tử thải	Từ việc sử dụng các thiết bị điện tử: điện thoại, radio, máy tính, máy in... sau khi thiết bị thải bỏ.	0,3	kg/hộ/năm	39	16 01 13
		Trường mầm non, nhà văn hóa	10	% khu dân cư	3,9	
5	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Từ hoạt động in ấn, photo trong khu dân cư.	0,3	kg/bình	0,6	16 01 09

Tt	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Định mức	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
6	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	Từ trạm biến áp.	01	5 kg/lần thay	5,0	17 03 04
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải	Từ hoạt động vệ sinh, lau chùi các thiết bị (vệ sinh xe), có chứa chất thải nguy hại như dầu, nhớt, xăng, sơn và các hóa chất nguy hại khác.	0,5	kg/hộ/năm	65	18 02 01
8	Bao bì hóa chất, bao bì đựng phân bón nhiễm thành phần nguy hại	Từ hoạt động động xử lý nước thải, chăm sóc cây xanh	1%	Khối lượng Sử dụng	10	18 01 01
9	Chất thải y tế nguy hại	Từ các hộ gia đình (thuốc hết hạn, bông, băng...).	0,09	kg/giường/ngày với 4,5 giường /1.000 dân	76	13 01 01
<b>Tổng</b>					<b>316.6</b>	

### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Nguồn chất thải	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng
Bùn từ các bể tự hoại trong khu dân cư và khu vực công cộng.	Bùn nhão chứa các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, gây mùi.	12 06 10	14 kg/ngày
Bùn từ quá trình nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa theo định kỳ.	Lá cây, cát, xi măng, đất, rác thải ...	12 06 10	89 kg/tháng
Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KDC.	Bùn nhão chứa các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, gây mùi.	12 06 10	7 (kg/ngày)
CTR từ quá trình cắt tỉa cây xanh, công viên, lá cây đường phố.	Cành cây lá cây, rễ cây....	-	600 kg/tháng

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	15.600 - 18.720
	<b>Tổng cộng</b>	15.600 - 18.720

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì theo quy định.

2.1.2. Khu lưu chứa: Bố trí xây dựng kho chứa tập trung chất thải nguy hại cho khu dân cư, vị trí trên diện tích đất hạ tầng kỹ thuật.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: bùn được thu gom về bể chứa bùn sau đó định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

- Bùn từ các bể tự hoại trong khu dân cư và khu vực công cộng: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom bằng xe hút bùn trực tiếp.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông khác: Thùng chứa đầy tay loại 660 lít và tập trung tại kho chứa của khu dân cư; vị trí kho chứa trên diện tích đất hạ tầng kỹ thuật.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực công cộng: Bố trí 06 thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 120 lít (3 thùng chứa rác thực phẩm, 3 thùng chứa rác sinh hoạt khác) cho 03 khu vực: nhà văn hóa, trường mầm non và công viên.

- Khu vực nhà dân: dân cư tự trang bị túi chứa rác hoặc thùng chứa rác theo nhu cầu, thẩm mỹ và thiết kế theo quy định.

- Thực hiện giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

## 3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định

08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.



### **Phụ lục 3**

## **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.923/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)*

1. Thực hiện đúng theo Quyết định chủ trương đầu tư số 768/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 03 năm 2020.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của khu vực.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân huyện Long Thành và các cơ quan có liên quan.
11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.
12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.